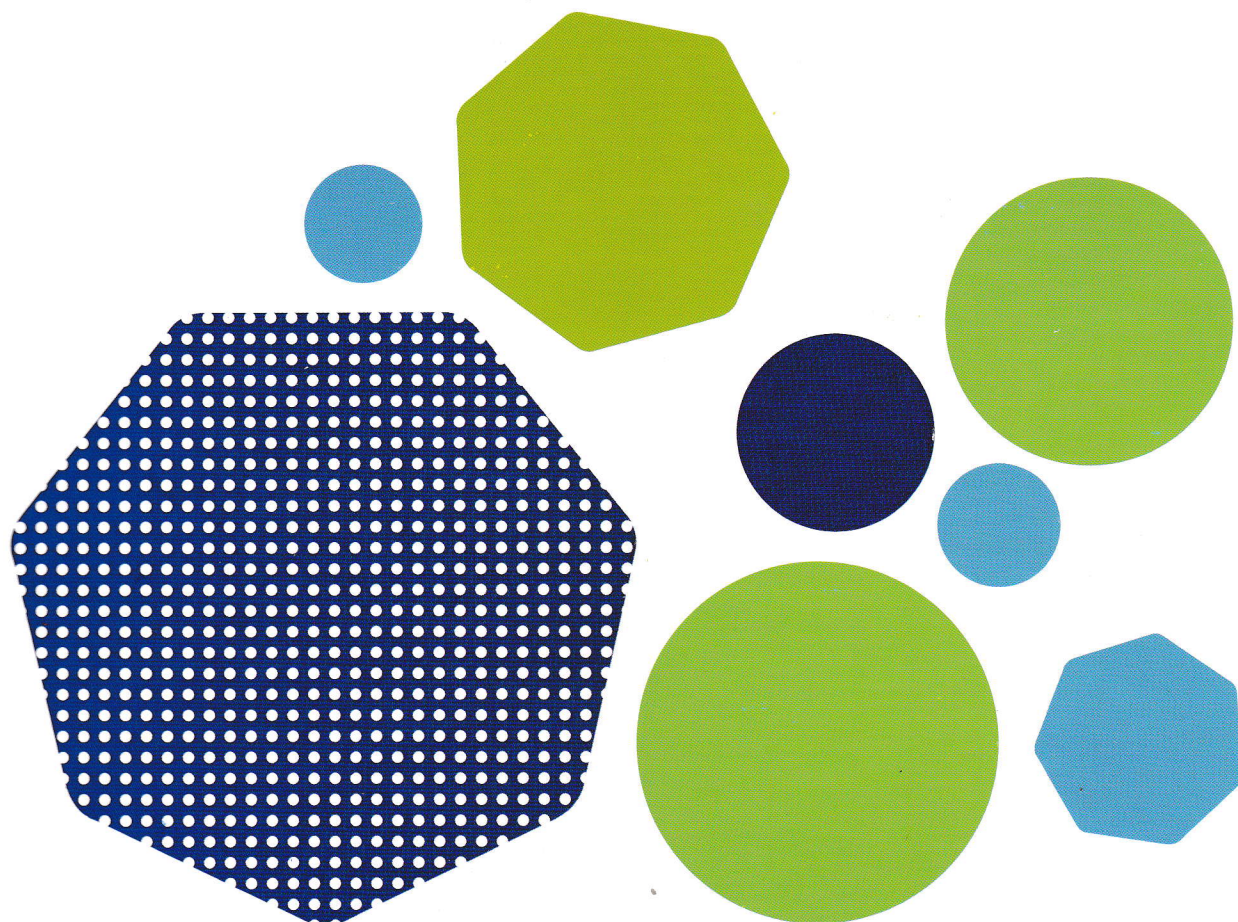


**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hà Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 10/4/2024
Ông Phạm Hoàng Cầu	Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm từ ngày 10/4/2024
Bà Bùi Thùy Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Đức Toàn	Thành viên độc lập	
Ông Phạm Tuấn Khanh	Thành viên độc lập	

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Bùi Thùy Linh	Tổng Giám đốc
Ông Hà Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Khánh	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Tuyết Lan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng, tình hình hoạt động riêng của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Thùy Linh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2024



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/08/2024, từ trang 06 đến trang 25 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả của soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác.

Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ghi nhận Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào công ty con - Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam (Công ty Gang thép) có giá gốc là 188,64 tỷ đồng tương đương tỷ lệ sở hữu 76,82% với giá trị khoảng gần 19,4 tỷ đồng căn cứ vào Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty Gang thép (tại ngày 31/12/2023 số trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính này là 19,07 tỷ đồng). Báo cáo tài chính Công ty Gang thép có một số vấn đề sau:

- Báo cáo đang ghi nhận khoản tạm ứng cho cá nhân với giá trị khoảng 22,1 tỷ đồng và đã trích lập dự phòng 100% khoản đầu tư này vào Báo cáo tài chính 2023, tuy nhiên, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, tính giá trị, khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của khoản tạm ứng này. Các thủ tục thay thế không thực hiện được.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Cơ sở của kết luận ngoại trừ (tiếp)

- Chúng tôi không thu thập được các hồ sơ bao gồm hợp đồng vay/khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp, Xác nhận của Ngân hàng và các hồ sơ khác có liên quan đến Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Đô hiện đã quá hạn trên 03 năm, đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gang thép Việt Nam với giá trị tại ngày 30/06/2024 khoảng 28 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2023 khoảng 28 tỷ đồng). Công ty Gang thép đã thực hiện dừng tính và ghi nhận lãi vay của các khoản vay này. Nếu ghi nhận lãi vay theo đúng quy định sẽ làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024 của Công ty Gang thép, đồng thời làm thay đổi Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty. Tuy nhiên, chúng tôi không có cơ sở ước tính số lãi có thể phát sinh. Các thủ tục thay thế không thực hiện được.
- Tại ngày 30/06/2024, Báo cáo tài chính của Công ty Gang thép đang ghi nhận khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Sở giao dịch với số dư nợ gốc còn phải trả là hơn 8,8 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2023 khoảng 8,8 tỷ đồng). Hiện tại, Công ty Gang thép đã thực hiện dừng ghi nhận lãi vay của các khoản vay này với giá trị lũy kế đến ngày 30/06/2024 ước tính khoảng 16,75 tỷ đồng (giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 khoảng 750 triệu đồng). Nếu ghi nhận lãi vay theo đúng quy định sẽ làm giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với giá trị khoảng hơn 16,75 tỷ đồng trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2024 của Công ty Gang thép (ảnh hưởng đến 31/12/2023 là khoảng 16 tỷ đồng).

Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề trên đến giá trị trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cũng như các khoản mục khác có liên quan (nếu có) trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo kết luận của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 110/2023/ASCO/BCKT ngày 29/08/2023 với kết luận chấp nhận toàn phần.



Lê Quang Nghĩa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.465.334.661	29.253.728.030
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	622.418.389	688.701.405
Tiền	111		622.418.389	688.701.405
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.445.673.200	27.086.640.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.746.546.800	26.936.640.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	12.699.126.400	150.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.397.243.072	1.478.386.625
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.397.243.072	1.478.386.625
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201.484.797.278	203.478.607.508
Tài sản cố định	220		32.009.090.911	33.533.333.335
Tài sản cố định hữu hình	221	8	32.009.090.911	33.533.333.335
- Nguyên giá	222		45.758.090.910	45.758.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.748.999.999)	(12.224.757.575)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	169.212.681.503	169.562.381.909
Đầu tư vào công ty con	251		188.640.000.000	188.640.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.427.318.497)	(19.077.618.091)
Tài sản dài hạn khác	260		263.024.864	382.892.264
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	263.024.864	382.892.264
TỔNG TÀI SẢN	270		228.950.131.939	232.732.335.538
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		281.714.488	3.305.564.048
Nợ ngắn hạn	310		281.714.488	3.305.564.048
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	234.651.040	3.258.500.600
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	47.063.448	47.063.448
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		228.668.417.451	229.426.771.490
Vốn chủ sở hữu	410	14	228.668.417.451	229.426.771.490
Vốn góp của chủ sở hữu	411		247.159.580.000	247.159.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		247.159.580.000	247.159.580.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(149.090.909)	(149.090.909)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.342.071.640)	(17.583.717.601)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(17.583.717.601)	1.373.899.282
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(758.354.039)	(18.957.616.883)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		228.950.131.939	232.732.335.538

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Trang

Lê Thị Trang

Kế toán trưởng

Khánh

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP
VIỆT NAM
Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

Bùi Thủy Linh

Mẫu số B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	13.933.146.800	41.524.583.902
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.933.146.800	41.524.583.902
Giá vốn hàng bán	11	16	13.575.116.024	40.989.094.272
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		358.030.776	535.489.630
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	50.682	117.440
Chi phí tài chính	22	18	349.700.406	181.967.723
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	766.735.091	445.685.483
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(758.354.039)	(92.046.136)
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(758.354.039)	(92.046.136)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(758.354.039)	(92.046.136)

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Trang

Lê Thị Trang

Kế toán trưởng

Khánh

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thủy Linh

Mẫu số B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		(758.354.039)	(92.046.136)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.524.242.424	1.524.242.424
Các khoản dự phòng	03		349.700.406	181.967.723
(Lãi)/Lỗ hoạt động đầu tư	05		(50.682)	(117.440)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.115.538.109	1.614.046.571
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1.722.110.353	(6.863.769.116)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(3.023.849.560)	5.123.345.420
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		119.867.400	117.495.354
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(32.121.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(66.333.698)	(41.003.059)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		50.682	117.440
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		50.682	117.440
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(66.283.016)	(40.885.619)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	688.701.405	671.488.665
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	622.418.389	630.603.046

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Trang

Lê Thị Trang

Kế toán trưởng

Khánh

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thủy Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

Mẫu số B09a-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104782792 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 11 tháng 07 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 ngày 28/04/2023 là: 247.159.580.000 đồng; tương đương 24.715.958 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là FID.

Trụ sở chính của Công ty tại: VP24, Tầng 4, Khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty hoạt động trong lĩnh vực khai thác kim loại và bán buôn.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Các hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: mua bán, cho thuê và điều hành bất động sản với quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc đi thuê; Nhà để ở như nhà chung cư và nhà để ở khác; Nhà không phải để ở bao gồm khu triển lãm, nhà kho, nơi dạy mát và trung tâm thương mại; Đất; Cung cấp nhà, căn hộ có đồ đạc hoặc chưa có đồ đạc hoặc các phòng sử dụng lâu dài, theo tháng hoặc năm; Mua bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành bất động sản là nền đất phân lô; Hoạt động mua bán cho thuê gồm cả quản lý và điều hành những khu nhà ở lưu động;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
Chi tiết: sản xuất gạch bằng lò luyện
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt:
Chi tiết: khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (quặng sắt)
- Khai thác kim loại khác không phải sắt
Chi tiết: khai thác, thăm dò, khảo sát, chế biến, kinh doanh quặng kim loại (Quặng chì, kẽm, đồng, niken, thiếc, titan, nhôm, angtimon...)
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng theo năm tài chính dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đến thời điểm lập Báo cáo, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin trình phê duyệt gia hạn giấy phép khai thác, chế biến quặng sắt tại mỏ sắt Thượng Cửu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và mỏ sắt xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Vì thế trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty Gang Thép không có doanh thu và bị lỗ lũy kế dẫn đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam phải trích lập dự phòng khoản đầu tư.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/06/2024, có (01) Công ty con, chi tiết như sau:

STT	Tên	Địa chỉ	Đăng ký kinh doanh
1	Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Xóm Chòi Hãn, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2600377146 ngày 08/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và thay đổi lần thứ 11 ngày 17/03/2024.

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết là 76,82%.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 (“Thông tư 53”).

3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung ở các nước khác ngoài Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 CÁC ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

4.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty con

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản vốn góp cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận, riêng đối với cổ tức nhận được bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con là số chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc và phần sở hữu của Công ty trong vốn chủ sở hữu thực có tại bên nhận đầu tư (công ty con), phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo yêu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu của khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh bao gồm tiền sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trong đó:

- Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác được Công ty được phân bổ trong thời gian không quá 03 năm (dài hạn) và không quá 1 năm (ngắn hạn);

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
- Máy móc, thiết bị	15

4.8 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu và được cơ quan quản lý chấp thuận

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua phê duyệt của Hội đồng Quản trị hàng năm.

4.10 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, được UBCK chấp thuận và danh sách cổ đông nhận cổ tức được chốt chính thức

4.11 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi và lãi suất thực tế được quy định trong từng Hợp đồng tiền gửi;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo chốt quyền của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.13 GHI NHẬN GIÁ VỐN

Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

4.14 THUẾ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.14 THUẾ (TIẾP)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	613.112.923	679.831.644
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.305.466	8.869.761
	622.418.389	688.701.405

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
HOANH NGHIỆP VIỆT NAM
P24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
Số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

30/06/2024		01/01/2024	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
-	-	8.822.200.000	-
-	-	17.828.240.000	-
12.343.146.800	-	-	-
403.400.000	-	286.200.000	-
12.746.546.800	-	26.936.640.000	-

- Công ty Cổ phần Ngọc Việt Global
- Công ty TNHH Phân bón hữu cơ Truyền Thống
- Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Bùi Gia
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Hà Thái

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

30/06/2024		01/01/2024	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
10.849.126.400	-	-	-
1.700.000.000	-	-	-
150.000.000	-	150.000.000	-
12.699.126.400	-	150.000.000	-

- Công ty Cổ phần Kingsun Việt Nam
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Quang Dương
- Công ty Cổ phần Đầu tư CALICAP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	45.758.090.910	45.758.090.910
30/06/2024	<u>45.758.090.910</u>	<u>45.758.090.910</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	<u>(12.224.757.575)</u>	<u>(12.224.757.575)</u>
- Khấu hao trong kỳ	<u>(1.524.242.424)</u>	<u>(1.524.242.424)</u>
30/06/2024	<u>(13.748.999.999)</u>	<u>(13.748.999.999)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>33.533.333.335</u>	<u>33.533.333.335</u>
30/06/2024	<u>32.009.090.911</u>	<u>32.009.090.911</u>

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là: 30.818.182 đồng (tại ngày 01/01/2024 số tiền là: 30.818.182 đồng).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	263.024.864	382.892.264
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	241.691.536	341.870.185
- Chi phí khác	21.333.328	41.022.079
	<u>263.024.864</u>	<u>382.892.264</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2024				01/01/2024			
	Giá gốc		Dự phòng		Giá gốc		Dự phòng	
	VND		VND		VND		VND	
- Đầu tư vào công ty con	188.640.000.000	(19.427.318.497)	169.212.681.503		188.640.000.000	(19.077.618.091)	188.640.000.000	
Công ty Cổ phần Gang thép	188.640.000.000	(19.427.318.497)	169.212.681.503		188.640.000.000	(19.077.618.091)	188.640.000.000	
Công nghiệp Việt Nam	188.640.000.000	(19.427.318.497)	169.212.681.503		188.640.000.000	(19.077.618.091)	188.640.000.000	

Tình hình hoạt động của Công ty trong kỳ:

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam – Công ty con của Công ty đang trong quá trình xin chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, đầu tư khai thác, chế biến mỏ sắt tại xóm Chòi Hân, xã Cự Thắng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và gia hạn giấy phép khai thác quặng sắt tại mỏ Xóm Vĩ, xã Thượng Cừu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty Gang Thép không phát sinh doanh thu từ hoạt động khai thác mỏ.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024				01/01/2024			
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Giá trị		Số có khả năng trả nợ	
	VND		VND		VND		VND	
- Công ty Cổ phần Nông sản Thiên Hương	-		-		2.229.000.000		2.229.000.000	
- Công ty Cổ phần Lương thực và Thực phẩm Hoàng Minh	-		-		1.002.000.000		1.002.000.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thanh Thủy	55.000.000		55.000.000		27.500.000		27.500.000	
- Các đối tượng khác	179.651.040		179.651.040		600		600	
	234.651.040		234.651.040		3.258.500.600		3.258.500.600	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	01/01/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế GTGT đầu ra	-	127.200.000	127.200.000	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	-	130.200.000	130.200.000	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế

13. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	37.551.670	37.551.670
- Bảo hiểm y tế	6.636.066	6.636.066
- Bảo hiểm tai nạn lao động	1.995	1.995
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.873.717	2.873.717
	47.063.448	47.063.448

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM
VP24, Tầng 4, Khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm,
phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 BIẾN ĐỘNG TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2023	247.159.580.000	(149.090.909)	1.373.899.282	248.384.388.373
- Lỗ trong năm	-	-	(18.957.616.883)	(18.957.616.883)
31/12/2023	247.159.580.000	(149.090.909)	(17.583.717.601)	229.426.771.490
01/01/2024	247.159.580.000	(149.090.909)	(17.583.717.601)	229.426.771.490
- Lỗ trong kỳ	-	-	(758.354.039)	(758.354.039)
30/06/2024	247.159.580.000	(149.090.909)	(18.342.071.640)	228.668.417.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

14.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	247.159.580.000	247.159.580.000
	247.159.580.000	247.159.580.000

14.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	247.159.580.000	247.159.580.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	247.159.580.000	247.159.580.000
- Lợi nhuận đã trả	-	-

14.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.715.958	24.715.958
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.715.958	24.715.958
+ Cổ phiếu phổ thông	24.715.958	24.715.958
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.715.958	24.715.958
+ Cổ phiếu phổ thông	24.715.958	24.715.958
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

15. DOANH THU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Doanh thu	13.933.146.800	41.524.583.902
- Doanh thu bán hàng hóa	12.343.146.800	39.934.583.902
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.590.000.000	1.590.000.000
	13.933.146.800	41.524.583.902

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

VP24, tầng 4, khu văn phòng, tòa nhà Stellar Garden,
số 35 Lê Văn Thiêm, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

16. GIÁ VỐN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.050.873.600	39.464.851.848
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.050.873.600	39.464.851.848
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.524.242.424	1.524.242.424
	13.575.116.024	40.989.094.272

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.682	117.440
	50.682	117.440

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Dự phòng tổn thất đầu tư	349.700.406	181.967.723
	349.700.406	181.967.723

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	77.400.000	77.400.000
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	119.867.400	117.495.354
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.377.115	224.716.583
- Chi phí bằng tiền khác	9.090.576	23.073.546
	766.735.091	445.685.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

20. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	119.867.400	117.495.354
- Chi phí nhân công	77.400.000	77.400.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.524.242.424	1.524.242.424
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.608.250.715	39.689.568.431
- Chi phí bằng tiền khác	9.090.576	23.073.546
	14.341.851.115	41.434.779.755

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(758.354.039)	(92.046.136)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản chi phí không được trừ	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	(758.354.039)	(92.046.136)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính này.

23. BÊN LIÊN QUAN

23.1 Danh sách các bên liên quan

STT	Tên Công ty, Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Công ty con
2	Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Ảnh hưởng đáng kể

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

23. BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

23.2 Giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	47.400.000	47.400.000
	47.400.000	47.400.000

24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Trang

Lê Thị Trang

Kế toán trưởng

Khánh

Ngô Văn Khánh

Tổng Giám đốc



Bùi Thủy Linh